TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH Y**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 4 - 2023
V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V TỈNH Y

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thành Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Đình Mùi.

2. Bà Phạm Thị Hồng Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thu Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Y.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên toà: Ông Lưu Thượng Thống - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V tỉnh Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2023 về "tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 19xx; địa chỉ: Thôn V, xã C, huyện V, tỉnh Y; Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 19xx; Địa chỉ: Thôn V, xã C, huyện V, tỉnh Y; "Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 12 năm 2022 và tại bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Ng trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Ngọc Đ tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Y vào ngày 30/8/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại Thôn V, xã C, huyện V. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 10 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Đ sử dụng ma tuý, Chị

Ng và hai bên gia đình đã khuyên nhủ nhưng anh Đ không từ bỏ được ma tuý nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Chị Ng đã bỏ về ở nhà bố mẹ đẻ từ tháng 2 năm 2021 ở Thôn Thiên Bữu, xã Thượng Bằng La, huyện V, tỉnh Y, vợ chồng đã sống ly thân từ ngày đó đến nay. Nay Chị Ng xác định tình cảm vợ chồng với anh Đ không còn, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị Ng và anh Đ có 02 con chung là Nguyễn Ngọc H, sinh ngày XX/yy/20xx và Nguyễn Mạnh Q, sinh ngày XX/yy/20xx. Ly hôn, Chị Ng có nguyện vọng được nuôi cháu Nguyễn Ngọc H và để anh Đ nuôi cháu Nguyễn Mạnh Q, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Toà án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Nguyễn Ngọc Đ không có mặt để giải quyết vụ án. Tại bản tự khai viết ngày 06/4/2023, nộp cho Toà án, anh Đ khai:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và Chị Ng kết hôn trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Y vào ngày 30-8-2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau tại Thôn V, xã C, huyện V, tỉnh Y. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Anh Đ trình bày mâu thuẫn vợ chồng là do anh sử dụng chất ma tuý nên thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Anh Đ xác định tình cảm với Chị Ng không còn, Chị Ng xin ly hôn anh Đ đồng ý.

Về con chung: Anh và Chị Ng có 02 con chung là Nguyễn Ngọc H, sinh ngày XX/yy/20xx và Nguyễn Mạnh Q, sinh ngày XX/yy/20xx. Ly hôn, anh Đ có nguyện vọng để Chị Ng nuôi cháu Nguyễn Ngọc H, anh nuôi cháu Nguyễn Mạnh Q, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Vợ chồng đã tự thoả thuận với nhau.

Tại biên bản xác minh với ông Nguyễn Trọng Tuấn, trưởng Thôn V, xã C, huyện V, tỉnh Y, ông Tuấn cho biết: Chị Nguyễn Thị Ng và anh Nguyễn Ngọc Đ là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã C và có hộ khẩu thường trú tại Thôn V, xã C, huyện V, tỉnh Y. Vợ chồng Chị Ng, anh Đ chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo ông Tuấn cho biết là do anh Đ có nghiện chất ma tuý và phải đi cai nghiện bắt buộc, Chị Ng và anh Đ hiện nay đã sống ly thân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Nguyễn Thị Ng: Xử cho Chị Ng được ly hôn anh Đ; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày XX/yy/20xx cho Chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Giao cháu Nguyễn Mạnh Q, sinh ngày XX/yy/20xx cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định; Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Nguyễn Ngọc Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn V, xã C, huyện V, tỉnh Y, vụ án do Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Y thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Toà án đã tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nguyên đơn Chị Ng và bị đơn anh Đ đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ng và anh Nguyễn Ngọc Đ kết hôn trên cơ sở tự do, tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 30/8/2014 tại Uỷ ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Y. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa Chị Ng và anh Đ được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, Chị Ng và anh Đ đều trình bày vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là từ năm 2019, nguyên nhân là do anh Đ nghiện chất ma tuý nên vợ chồng xảy ra cãi vã. Chị Ng và anh Đ hiện nay đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai nữa. Tại biên bản xác minh với chính quyền địa phương thể hiện, Chị Ng và anh Đ xảy ra mâu thuẫn là do anh Đ nghiện chất ma tuý và đã sống ly thân. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa Chị Ng và anh Đ lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của Chị Ng phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Ng và anh Đ 02 con chung là Nguyễn Ngọc H, sinh ngày XX/yy/20xx và Nguyễn Mạnh Q, sinh ngày XX/yy/20xx. Chị Ng và anh Đ đều có nguyện vọng sau khi ly hôn để Chị Ng nuôi cháu Hoa, anh Đ nuôi cháu Quân, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/02/2023 tại Toà án, cháu Hoa có nguyện vọng được ở với mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy, nguyện vọng được nuôi con của Chị Ng và anh Đ là chính đáng, việc giao cho mỗi người nuôi một con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung và tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ng phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Chị Nguyễn Thị Ng được ly hôn anh Nguyễn Ngọc Đ.

2. Về con chung: Giao cho Chị Nguyễn Thị Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày XX/yy/20xx; Giao cho anh Nguyễn Ngọc Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Mạnh Q, sinh ngày XX/yy/20xx. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi cháu Hoa, cháu Quân đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ng phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) Chị Ng đã nộp theo biên lai số: AA/2021/0002786 ngày 30/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Y. Chị Nguyễn Thị Ng đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Chị Nguyễn Thị Ng và anh Nguyễn Ngọc Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Y;
- VKSND.H V;
- CCTHADS.H V;
- UBND xã C;
- Các đương sự (02);
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thành Long